TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HS-ST
Ngày: 09-01-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Lên.

2. Ông Nguyễn Văn Thuần.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Công – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 24/2024/TLST-HS ngày 28 tháng 11 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2024/HSST- QĐ ngày 26 tháng 12 năm 2024, đối với:

- *Bị cáo*: Lê Văn T; tên gọi khác: không; sinh ngày: 19/7/2000; nơi sinh: huyện H, tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: Tổ C, Ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N, sinh năm: 1969 và bà Lê Thị Mỹ X, sinh năm: 1970; bị cáo chưa vợ, con; tiền án, tiền sự: không; ngày 15/01/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (Quyết định số: 03/QĐ-TA), đã thi hành xong ngày 21/6/2022; đã hết thời hạn được coi như chưa bị xử lý hành chính; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/8/2024 đến nay, tại Nhà tạm giữ Công an thị xã K, tỉnh Long An. “có mặt”

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Lê Văn N, sinh năm 1969; địa chỉ: ấp T, xã T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp. “vắng mặt”

2. Đoàn Thị Trúc G, sinh năm 2003; địa chỉ: ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An. “có mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 00 giờ 10 phút ngày 23/8/2024, lực lượng Công an P, thị xã K tiến hành kiểm tra tại Phòng trọ A4, nhà trọ Đ thuộc Khu phố A, Phường C, thị xã K, tỉnh Long An, phát hiện Lê Văn T, sinh ngày 19/7/2000, hộ khẩu thường trú: Tổ C, ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp đang tàng trữ trái phép chất ma túy nên tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Qua điều tra xác định: Lê Văn T, sinh ngày: 19/7/2000, hộ khẩu thường trú: Tổ C, Ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (chỗ ở hiện tại: Khu phố C, Phường C, thị xã K, tỉnh Long An) bắt đầu sử dụng ma túy từ năm 2018. Vào khoảng 16 giờ ngày 22/8/2024, T đặt mua 05 gói ma túy với số tiền 2.500.000 đồng của một người tên B, địa chỉ tại Ấp G, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An. Đến khoảng 23 giờ 50 phút cùng ngày, T để 05 túi nylon màu trắng bên trong chứa ma túy vào trong 01 bóp màu đen có dây kéo, cùng 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Sirius, biển số 66H1-449.91 đến phòng trọ A4, nhà trọ Đ thuộc Khu phố A, Phường C, thị xã K, tỉnh Long An để ngủ cùng Đoàn Thị Trúc G, sinh ngày: 29/9/2003, hộ khẩu thường trú: ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An (là người thuê phòng trọ A4). Đến khoảng 00 giờ 10 phút ngày 23/8/2024, T lấy gói ma túy ra chuẩn bị sử dụng thì bị lực lượng Công an đến kiểm tra phòng trọ, phát hiện bình nhựa T tự chế dùng để sử dụng ma túy được T cất giấu trong giỏ đựng rác, 05 túi nylon trong suốt bên trong chứa tinh thể màu trắng là ma túy đá, Công an đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và tạm giữ tang vật, phương tiện.

Kết luận giám định số 582/KL-KTHS ngày 27/8/2024 của Phòng K - Công an tỉnh L kết luận: Tinh thể màu trắng dựng trong 03 túi nylon có rãnh khép viền đỏ và 02 gói nylon màu trắng hàn kín được niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng: 2,3442gam, loại: Methamphetamine và Ketamine. Mẫu còn lại sau giám định có khối lượng: 2,0920gam được đóng gói niêm phong số 582.

Tang vật tạm giữ: 05 túi nylon trong suốt chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy đá; 01 bình nhựa tự chế dùng để sử dụng ma túy; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu đỏ, sim số 0794819776; 01 điện thoại di động không rõ nhãn hiệu màu đen không có sim; 01 bóp da màu đen có dây kéo; 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Sirius, biển số 66H1-449.91.

Tại Bản Cáo trạng số 21/CT-VKSKT ngày 27/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An truy tố bị cáo Lê Văn T về tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết tăng nặng: không có tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là "Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải".

Đối với việc bị cáo Lê Văn T có lúc khai có bán ma túy cho H ở huyện V (không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể) và Cao Văn C, sinh năm: 1991, cư ngụ: Ấp B, xã V, huyện V, tỉnh Long An. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã K xác minh hiện tại Chúc không có mặt tại địa phương, không rõ nơi cư trú, nên không có đủ cơ sở để xem xét đối với Lê Văn T về hành vi "Mua bán trái phép chất ma túy".

Đối với việc bị cáo khai đối tượng tên B, ngụ tại Ấp G, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An bán ma túy cho bị cáo, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã K đã xác minh kết quả trên địa bàn xã H, huyện Đ, tỉnh Long An không có Ấp 7 đồng thời đối tượng tên "B" không đủ thông tin xác định nhân thân lai lịch, nên không có cơ sở xem xét trách nhiệm liên quan.

Đối với Đoàn Thị Trúc G, sinh ngày: 29/9/2003, hộ khẩu thường trú: ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An là người thuê Phòng trọ A4 nhà trọ Đ thuộc Khu phố A, Phường C, thị xã K không biết bị cáo T tàng trữ ma túy để sử dụng, đồng thời G cũng không tham gia sử dụng ma túy, nên không xem xét trách nhiệm liên quan.

Đối với ông Lê Văn N (cha ruột bị cáo) là chủ sở hữu xe mô tô biển số 66H1- 449.91, ông N cho bị cáo mượn xe để đi làm ở huyện V, không biết bị cáo T mượn xe để mua, sử dụng ma túy, nên không xem xét trách nhiệm liên quan.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi vi phạm pháp luật mà bị cáo gây ra; đồng thời căn cứ vào nhân thân, tình tiết tặng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Về hình phạt chính: Đề nghị xử phạt bị cáo T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị xem xét miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo do bị cáo làm thuê, thu nhập không ổn định.

Về xử lý tang vật chứng: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Cho tịch thu, tiêu hủy số ma túy loại: Methamphetamine và Ketamine còn lại sau giám định có khối lượng: 2,0920gam; 01 bình nhựa tự chế dùng để sử dụng ma túy; 01 bóp da màu đen có dây kéo và 01 sim số 0794819776 là vật dùng vào việc phạm tội và không có giá trị sử dụng.

Cho tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu đỏ là tài sản dùng vào việc phạm tội.

Trả lại cho Lê Văn T 01 điện thoại di động không rõ nhãn hiệu màu đen, không có sim và trả lại cho cho ông Lê Văn N là chủ sở hữu 01 xe mô tô biển số

66H1- 449.91 do Lê Văn N đã giao cho bị cáo T mượn sử dụng làm phương tiện đi lại, nhưng không biết T sử dụng để mua ma túy sử dụng.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo T hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố; bị cáo thành khẩn khai báo những hành vi bị cáo đã thực hiện; bị cáo không tranh luận với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát và không nói lời sau cùng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn N vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kiến Tường, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp với quy định pháp luật.

[2] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lê Văn N vắng mặt không lý do nhưng đương sự đã có lời khai trong quá trình điều tra. Xét thấy việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử, nên vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo Lê Văn T trước phiên tòa phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với vật chứng thu giữ, lời khai tại Công an P, tại Cơ quan điều tra; phù hợp với các bản kết luận giám định, biên bản khám nghiệm hiện trường, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với nội dung bản cáo trạng. Từ đó thấy, vào khoảng 00 giờ 10 phút ngày 23/8/2024 tại Phòng trọ A4, nhà T thuộc Khu phố A, Phường C, thị xã K, tỉnh Long An, lực lượng Công an P bắt quả tang Lê Văn T đang tàng trữ tổng cộng 2,3442gam ma túy, loại: Methamphetamine và Ketamine, được cất giấu trong bóp da màu đen, mục đích để sử dụng. Trên cơ sở đó, có đủ căn cứ kết luận bị cáo T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo với tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Bị cáo T là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng là vi phạm pháp luật. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, có tính chất nghiêm trọng, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý các chất ma tuý của Nhà nước, gây mất trật tự trị an

tại địa phương và là nguồn gốc phát sinh các loại tội phạm nguy hiểm khác. Bị cáo ý thức được điều đó nhưng để thỏa mãn nhu cầu cá nhân, bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

[5] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng: Bị cáo T không có tiền án, tiền sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự, nhưng bị cáo là đối tượng nghiện ma túy; ngày 15/01/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (Quyết định số 03/QĐ-TA), đã chấp hành xong ngày 21/6/2022; đã hết thời hạn được coi như chưa bị xử lý hành chính nên bị cáo có nhân thân xấu.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo T đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Trên cơ sở cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, đồng thời cần có một mức hình phạt phù hợp nhằm mục đích trừng trị, giáo dục bị cáo ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới và đấu tranh chống tội phạm.

[8] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo làm thuê, không có thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[9] Về xử lý vật chứng:

Đối với số ma túy còn lại sau giám định có tổng khối lượng 2,0920 gam, loại Methamphetamine và Ketamine, là vật cấm mua bán, tàng trữ và 01 bình nhựa tự chế dùng để sử dụng ma túy; 01 bóp da màu đen có dây kéo và 01 sim số 0794819776 là vật dùng vào việc phạm tội và không có giá trị sử dụng nên tịch thu và tiêu hủy là phù hợp.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu đỏ, là tài sản dùng vào việc phạm tội nên tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước là phù hợp.

Đối với 01 điện thoại di động không rõ nhãn hiệu màu đen, không có sim của bị cáo T, không có liên quan đến tội phạm nên trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 xe mô tô biển số 66H1- 449.91 do Lê Văn N là chủ sở hữu và ông N đã giao cho bị cáo T mượn sử dụng làm phương tiện đi lại, nhưng không biết T sử dụng để mua ma túy sử dụng nên trả lại cho ông N là phù hợp.

[10] Xét thấy, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp về quan điểm xử lý vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Đối với việc bị cáo khai mua bán ma túy cho H, Cao Văn C, nhưng chỉ căn cứ vào lời khai của bị cáo, Cơ quan điều tra không xác định được đối tượng, nhân thân, lai lịch; không có căn cứ xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Đối với Đoàn Thị Trúc G là người thuê Phòng trọ A4, nhà trọ Đ thuộc Khu phố A, Phường C, thị xã K không biết T tàng trữ ma túy để sử dụng, đồng thời G cũng không tham gia sử dụng ma túy; Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý G nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] Đối với Lê Văn N (cha ruột bị cáo) là chủ sở hữu xe mô tô biển số 66H1- 449.91, ông N cho bị cáo mượn xe để đi làm ở huyện V, nhưng không biết bị cáo T sử dụng xe để mua ma túy sử dụng nên không có căn cứ xử lý trách nhiệm liên quan là phù hợp.

[14] Về án phí: Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Căn cứ vào điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015; sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Về hình phạt:

Căn cứ vào điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015; sửa đổi, bổ sung năm 2017 và khoản 1 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Lê Văn T 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23 tháng 8 năm 2024. Tiếp tục tạm giam bị cáo T 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo T.

3. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định có khối lượng: 2,0920gam, loại Methamphetamine và Ketamine; 01 bình nhựa tự chế dùng để sử dụng ma túy; 01 bóp da màu đen có dây kéo và 01 sim số 0794819776.

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu đỏ.

Trả lại bị cáo Lê Văn T 01 (một) điện thoại di động không rõ nhãn hiệu, màu đen, không có sim.

Trả lại ông Lê Văn N 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Sirius, biển kiểm soát số: 66H1- 449.91.

(theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng hồi 16 giờ 00 phút, ngày 05/12/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã K, tỉnh Long An)

4. Về án phí:

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Buộc bị cáo Lê Văn T nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND thị xã Kiến Tường;
- CQCSĐT – Công an thị xã Kiến Tường;
- Chi cục THADS thị xã Kiến Tường;
- Nhà tạm giữ - Công an thị xã Kiến Tường;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Phương